

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2023/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Mã chứng khoán: VNG

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 đã được kiểm toán (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2023 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN THỊ HỒNG VÂN

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 47

30/07
C
ICH
INH
V
7-

3007
CỘN
CỔ P
DU
ANH TH
NH -

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	đến ngày 27 tháng 7 năm 2023
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Bà Châu Thị Kim Phước được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định số 129/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11950306/E-67384634

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		466.952.511.725	458.860.518.872
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.379.245.880	17.851.129.504
111	1. Tiền		3.379.245.880	10.851.129.504
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	7.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		454.980.322.509	439.407.923.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.398.228.517	42.980.965.275
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	109.432.267.515	91.342.635.049
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	107.647.500.000	112.357.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	214.530.300.966	195.201.478.632
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(1.027.974.489)	(2.474.655.368)
140	III. Hàng tồn kho	9	885.648.823	977.886.505
141	1. Hàng tồn kho		885.648.823	977.886.505
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		707.294.513	623.579.275
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	636.972.317	553.257.079
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	70.322.196	70.322.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.654.303.983.640	1.650.644.986.442
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		362.739.706.846	355.671.893.356
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	2.916.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	4.620.893.356
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	7	327.954.706.846	348.100.000.000
216	4. Phải thu dài hạn khác	8	34.785.000.000	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		122.815.930.507	125.847.154.608
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	95.590.410.887	98.044.739.456
222	Nguyên giá		172.099.318.283	171.977.318.283
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(76.508.907.396)	(73.932.578.827)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	27.225.519.620	27.802.415.152
228	Nguyên giá		40.916.735.812	40.916.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.691.216.192)	(13.114.320.660)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.939.736.725	1.859.836.725
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.939.736.725	1.859.836.725
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.160.492.524.683	1.161.581.038.788
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	946.956.579.312	946.956.579.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	225.394.459.724	225.394.459.724
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	1.206.295.000	1.206.295.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(13.064.809.353)	(11.976.295.248)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.316.084.879	5.685.062.965
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.528.339.523	5.126.302.379
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	787.745.356	558.760.586
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.121.256.495.365	2.109.505.505.314

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		922.135.378.144	913.778.868.176
310	I. Nợ ngắn hạn		311.239.079.207	301.623.751.017
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	43.659.635.195	33.938.054.954
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	44.163.577.984	64.431.468.871
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.975.182.581	11.250.811.376
314	4. Phải trả người lao động		3.436.362.452	296.517.958
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.237.430.319	9.346.812.778
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	13.536.421.568	263.702.053
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	25.731.458.298	27.231.548.001
320	8. Vay ngắn hạn	21	156.318.373.622	154.596.056.588
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	180.637.188	268.778.438
330	II. Nợ dài hạn		610.896.298.937	612.155.117.159
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	80.764.309
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	60.232.404.716	60.852.404.716
338	3. Vay dài hạn	21	550.663.894.221	551.221.948.134
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.199.121.117.221	1.195.726.637.138
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.199.121.117.221	1.195.726.637.138
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.175.515.069	109.781.034.986
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		109.781.034.986	98.998.503.791
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.394.480.083	10.782.531.195
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.121.256.495.365	2.109.505.505.314

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng

Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	172.932.001.450	141.131.760.822
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	172.932.001.450	141.131.760.822
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(125.669.519.592)	(114.294.626.020)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.262.481.858	26.837.134.802
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	45.174.214.303	50.310.972.354
22	7. Chi phí tài chính	25	(58.886.768.786)	(41.930.403.379)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.254.465.655)	(38.441.023.170)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(5.785.092.092)	(8.300.559.041)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(23.935.799.850)	(21.838.338.406)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.829.035.433	5.078.806.330
31	11. Thu nhập khác		580.717.892	43.658.556
32	12. Chi phí khác		(244.785.358)	(1.438.562.357)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		335.932.534	(1.394.903.801)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.164.967.967	3.683.902.529
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(999.472.654)	(666.945.754)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	228.984.770	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.394.480.083	3.016.956.775


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng




Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.164.967.967	3.683.902.529
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12	3.153.224.101	3.068.595.329
03	Hoàn nhập dự phòng		(358.166.774)	(977.024.157)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(45.174.214.303)	(48.946.441.469)
06	Chi phí lãi vay	25	53.254.465.655	38.441.023.170
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.040.276.646	(4.729.944.598)
09	Tăng các khoản phải thu		(33.081.017.919)	(33.545.088.037)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		92.237.682	(391.330.372)
11	Tăng các khoản phải trả		5.629.343.983	9.150.768.496
12	Giảm chi phí trả trước		1.514.247.618	3.262.185.280
14	Tiền lãi vay đã trả		(52.165.968.069)	(38.139.754.291)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(436.926.126)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.141.250)	(7.473.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(63.495.947.435)	(64.400.636.522)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(2.201.900.000)	(166.666.667)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	2.374.727.273
23	Tiền chi cho vay		(48.600.000.000)	(500.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		73.455.293.154	113.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(200.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.206.407.536	20.379.053.942
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		54.859.800.690	(364.612.885.452)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	182.863.978.355	641.683.729.129
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(181.699.715.234)	(206.413.406.052)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.164.263.121	435.270.323.077
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(7.471.883.624)	6.256.801.103
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.851.129.504	4.337.878.882
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	10.379.245.880	10.594.679.985

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 199 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 178 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ cuối kỳ với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí hợp tác kinh doanh;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	122.957.073	360.684.670
Tiền gửi ngân hàng	3.180.582.594	10.355.205.421
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền đang chuyển	75.706.213	135.239.413
TỔNG CỘNG	10.379.245.880	17.851.129.504

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại một ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc một tháng và hưởng lãi suất 3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	19.202.971.132	33.420.012.905
Các khách hàng khác	5.195.257.385	9.560.952.370
TỔNG CỘNG	24.398.228.517	42.980.965.275
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(989.614.489)	(2.436.295.368)
GIÁ TRỊ THUẦN	23.408.614.028	40.544.669.907

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	2.436.295.368	3.590.502.326
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.446.680.879)	(1.154.206.958)
Số cuối kỳ	989.614.489	2.436.295.368

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	72.752.674.624	73.427.858.933
Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung	69.000.000.000	68.000.000.000
Khác	3.752.674.624	5.427.858.933
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	36.679.592.891	17.914.776.116
TỔNG CỘNG	109.432.267.515	91.342.635.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	107.647.500.000	112.357.500.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	91.147.500.000	88.857.500.000
Các bên khác (*)	16.500.000.000	23.500.000.000
Dài hạn	327.954.706.846	348.100.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	327.954.706.846	348.100.000.000
TỔNG CỘNG	435.602.206.846	460.457.500.000

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Bà Triệu Phi Yến	<u>16.500.000.000</u>	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2024 đến ngày 8 tháng 5 năm 2024	10,6

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	214.530.300.966	195.201.478.632
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	143.463.279.130	69.514.170.876
Tạm ứng cho nhân viên	39.271.301.240	37.249.134.337
Lãi tiền gửi, cho vay phải thu	5.818.858.278	5.094.320.523
Đặt cọc	667.000.000	58.564.143.200
Khác	25.309.862.318	24.969.374.861
Dài hạn	34.785.000.000	35.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	34.750.000.000	-
Đặt cọc	35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG	249.315.300.966	195.236.478.632
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(38.360.000)	(38.360.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	249.276.940.966	195.198.118.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên vật liệu	629.369.459	699.111.495
Hàng hóa	129.371.974	120.830.704
Công cụ, dụng cụ	126.907.390	157.944.306
TỔNG CỘNG	885.648.823	977.886.505

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	636.972.317	553.257.079
Chi phí bảo hiểm	87.409.926	118.486.659
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.851.038	108.442.763
Khác	482.711.353	326.327.657
Dài hạn	3.528.339.523	5.126.302.379
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.368.524.424	2.203.997.856
Chi phí sửa chữa	1.128.715.110	859.897.491
Chi phí hợp tác kinh doanh	-	2.000.000.000
Khác	31.099.989	62.407.032
TỔNG CỘNG	4.165.311.840	5.679.559.458

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	145.364.606.625	13.820.119.604	6.857.221.155	2.107.703.487	3.827.667.412	171.977.318.283
Mua trong kỳ	-	122.000.000	-	-	-	122.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	145.364.606.625	13.942.119.604	6.857.221.155	2.107.703.487	3.827.667.412	172.099.318.283
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	2.776.062.930	-	1.509.262.543	-	6.508.874.020
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	56.568.565.052	8.916.851.116	4.143.119.199	1.754.380.029	2.549.663.431	73.932.578.827
Khấu hao trong kỳ	1.672.612.206	441.752.221	244.319.919	72.938.947	144.705.276	2.576.328.569
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	58.241.177.258	9.358.603.337	4.387.439.118	1.827.318.976	2.694.368.707	76.508.907.396
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	88.796.041.573	4.903.268.488	2.714.101.956	353.323.458	1.278.003.981	98.044.739.456
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	87.123.429.367	4.583.516.267	2.469.782.037	280.384.511	1.133.298.705	95.590.410.887

Trong đó:

Tài sản thế chấp cho
các khoản vay
(Thuyết minh số 21)

- - 1.817.105.708 - - 1.817.105.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2023	38.892.426.817	1.276.000.000	748.308.995	40.916.735.812
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	581.006.268	-	581.006.268
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.942.947.859	691.735.177	479.637.624	13.114.320.660
Hao mòn trong kỳ	497.528.838	62.194.947	17.171.747	576.895.532
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	12.440.476.697	753.930.124	496.809.371	13.691.216.192
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	26.949.478.958	584.264.823	268.671.371	27.802.415.152
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	26.451.950.120	522.069.876	251.499.624	27.225.519.620
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)	26.451.950.120	-	-	26.451.950.120

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí phần mềm Oracle	2.079.900.000	-
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Khu phức hợp TTC Gia Lai	388.888.889	388.888.889
TỔNG CỘNG	3.939.736.725	1.859.836.725

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	946.956.579.312	946.956.579.312
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	225.394.459.724	225.394.459.724
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	1.206.295.000	1.206.295.000
TỔNG CỘNG	1.173.557.334.036	1.173.557.334.036
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.064.809.353)	(11.976.295.248)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.160.492.524.683	1.161.581.038.788

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Giá gốc đầu tư (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	100	483.295.516.000	100
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	100	442.218.911.050	100
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	100	13.081.152.262	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	100	5.000.000.000	100
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	100	1.000.000.000	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	2.361.000.000	100	2.361.000.000	100
TỔNG CỘNG			946.956.579.312		946.956.579.312	

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư nói trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
			Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	110.998.205.000	-	44,43	110.998.205.000	-	44,43
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Đang hoạt động	Bất động sản	70.661.300.000	-	42,17	70.661.300.000	-	42,17
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(13.064.809.353)	49,00	24.772.623.054	(11.976.295.248)	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	-	20,75	18.962.331.670	-	20,75
			225.394.459.724	(13.064.809.353)		225.394.459.724	(11.976.295.248)	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

14.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
			Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	1.206.295.000	-	1,17	1.206.295.000	-	1,17

Giá trị hợp lý khoản đầu tư nói trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	24.862.064.433	20.310.696.879
Các bên khác	18.797.570.762	13.627.358.075
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	5.500.000.000	-
Khác	13.297.570.762	13.627.358.075
TỔNG CỘNG	<u>43.659.635.195</u>	<u>33.938.054.954</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	27.723.283.523	44.707.321.569
Các bên khác	16.440.294.461	19.724.147.302
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	12.238.000.000	15.000.000.000
Khác	4.202.294.461	4.724.147.302
TỔNG CỘNG	<u>44.163.577.984</u>	<u>64.431.468.871</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	7.423.146.134	18.907.223.929	(20.139.013.102)	6.191.356.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.395.169.855	999.472.654	(436.926.126)	3.957.716.383
Thuế tài sản và thuế nhà đất	-	6.059.511.409	(4.235.797.859)	1.823.713.550
Thuế thu nhập cá nhân	385.284.894	1.910.958.379	(1.331.384.680)	964.858.593
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.067.272	85.860.302	(90.794.243)	12.133.331
Thuế khác	30.143.221	252.063.561	(256.803.019)	25.403.763
TỔNG CỘNG	<u>11.250.811.376</u>	<u>28.215.090.234</u>	<u>(26.490.719.029)</u>	<u>12.975.182.581</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	70.322.196	12.080.376.985	(12.080.376.985)	70.322.196
TỔNG CỘNG	<u>70.322.196</u>	<u>12.080.376.985</u>	<u>(12.080.376.985)</u>	<u>70.322.196</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay	4.976.439.579	3.887.941.993
Thù lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng	2.262.037.908	1.469.605.845
Chi phí quảng cáo	1.727.561.717	54.571.732
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.708.490.081	450.856.163
Chi phí thuê đất	-	3.426.318.939
Khác	562.901.034	57.518.106
TỔNG CỘNG	<u>11.237.430.319</u>	<u>9.346.812.778</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý	6.818.181.818	-
Doanh thu từ thuê phòng khách sạn	3.407.999.100	263.702.053
Doanh thu từ đặt phòng và bán thực phẩm	3.310.240.650	-
TỔNG CỘNG	<u>13.536.421.568</u>	<u>263.702.053</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	25.731.458.298	27.231.548.001
Chi phí lãi vay	13.571.210.423	10.654.491.776
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	7.915.097.143	8.627.152.407
Nhận ký quỹ	540.000.000	920.000.000
Chi hộ	575.801.000	540.476.000
Cổ tức phải trả	238.998.150	238.998.150
Khác	2.890.351.582	6.250.429.668
Dài hạn	60.232.404.716	60.852.404.716
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (*)	46.350.000.000	46.350.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	1.963.000.000	2.583.000.000
TỔNG CỘNG	<u>85.963.863.014</u>	<u>88.083.952.717</u>

(*) Đây là góp vốn nhận từ Công ty Thanh Bình theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ngắn hạn	154.596.056.588	160.104.346.461	3.098.497.572	(161.480.526.999)	156.318.373.622
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	138.612.579.951	148.104.346.461	-	(146.982.870.868)	139.734.055.544
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)	-	12.000.000.000	-	(8.600.000.000)	3.400.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.3)	7.078.104.808	-	-	-	7.078.104.808
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	8.905.371.829	-	3.098.497.572	(5.897.656.131)	6.106.213.270
Dài hạn	551.221.948.134	22.759.631.894	(3.098.497.572)	(20.219.188.235)	550.663.894.221
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.4)	9.419.423.818	819.079.838	(3.098.497.572)	-	7.140.006.084
Trái phiếu (Thuyết minh số 21.5)	494.759.703.194	4.410.707.760	-	(6.300.000.000)	492.870.410.954
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.6)	47.042.821.122	17.529.844.296	-	(13.919.188.235)	50.653.477.183
TỔNG CỘNG	705.818.004.722	182.863.978.355	-	(181.699.715.234)	706.982.267.843

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	69.995.968.603	Từ ngày 20 tháng 8 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023	Từ 9,5 đến 12,2	Tài trợ vốn lưu động	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ Phần Toàn Hải Văn và 3 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”) thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	39.938.086.941	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2023	Từ 8,5 đến 9,0	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	29.800.000.000	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023	Từ 8,2 đến 9,1	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC và Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú và các khoản tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	139.734.055.544				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công					
Khoản vay 1	2.400.000.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2024	12	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	1.000.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2024	12	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	3.400.000.000				

21.3 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	7.078.104.808	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	13.188.819.354	Ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	8,5 + biên độ	Sửa chữa Khách sạn Cán Thơ, Nhà hàng nướng	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	57.400.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	Từ 8,8 đến 10,7	Mua tài sản	Phương tiện vận tải

TỔNG CỘNG

13.246.219.354

Trong đó:

Vay dài hạn đến

hạn trả 6.106.213.270

Vay dài hạn

7.140.006.084

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.5 Trái phiếu doanh nghiệp

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 4 tháng 1 năm 2025	Trả nợ vay, cấp khoản vay cho công ty con, công ty liên kết	Từ 9,5 đến 15,78	Bất động sản và động sản, quyền tài sản của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC"), Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, phần vốn góp tại DL TTC và quyền tài sản
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.129.589.046)				Thung lũng tình yêu

TỔNG CỘNG

492.870.410.954

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả

492.870.410.954

Trái phiếu dài hạn

21.6 Các khoản vay dài hạn từ các bên khác

Đây là các khoản vay của các cán bộ công nhân viên trong Công ty để tài trợ vốn lưu động trong Kỳ, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024, chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10,75% đến 12%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	98.998.503.791	1.184.944.105.943
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.016.956.775	3.016.956.775
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>102.015.460.566</u>	<u>1.187.961.062.718</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	109.781.034.986	1.195.726.637.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.394.480.083	3.394.480.083
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>113.175.515.069</u>	<u>1.199.121.117.221</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608 97.276.608	97.276.608 97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608 97.276.608	97.276.608 97.276.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Tổng doanh thu		
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	156.972.390.223	131.271.080.782
Doanh thu thuần về bán hàng	15.959.611.227	9.860.680.040
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>172.932.001.450</u>	<u>141.131.760.822</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	156.972.390.223	131.271.080.782
Doanh thu thuần về bán hàng	15.959.611.227	9.860.680.040
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	120.398.091.956	102.387.377.912
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	52.533.909.494	38.744.382.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.774.214.303	18.864.668.616
Cổ tức được chia	18.400.000.000	3.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	245.327
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	28.445.970.000
Khác	-	88.411
TỔNG CỘNG	<u>45.174.214.303</u>	<u>50.310.972.354</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	109.698.405.330	104.433.945.980
Giá vốn hàng bán	<u>15.971.114.262</u>	<u>9.860.680.040</u>
TỔNG CỘNG	<u>125.669.519.592</u>	<u>114.294.626.020</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	53.254.465.655	38.441.023.170
Chi phí phát hành trái phiếu	4.541.529.678	4.466.255.707
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.088.514.105	(977.024.157)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.214.747	47.416
Chi phí khác	<u>44.601</u>	<u>101.243</u>
TỔNG CỘNG	<u>58.886.768.786</u>	<u>41.930.403.379</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.524.020.436	4.749.670.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	753.709.789	772.457.990
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.255.400	7.311.876
Chi phí khác	2.476.106.467	2.771.118.483
TỔNG CỘNG	<u>5.785.092.092</u>	<u>8.300.559.041</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	17.658.896.563	14.424.063.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.739.725.055	3.587.376.417
Chi phí khấu hao và hao mòn	654.062.328	645.482.043
Chi phí khác	883.115.904	3.181.416.830
TỔNG CỘNG	<u>23.935.799.850</u>	<u>21.838.338.406</u>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.341.406.162	97.210.691.913
Chi phí nhân viên	26.082.760.225	23.698.519.267
Chi phí nguyên vật liệu	22.800.309.170	9.860.680.040
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.153.224.101	3.068.595.329
Chi phí khác	9.012.711.876	10.595.036.918
TỔNG CỘNG	<u>155.390.411.534</u>	<u>144.433.523.467</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	999.472.654	666.945.754
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(228.984.770)	-
TỔNG CỘNG	770.487.884	666.945.754

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.164.967.967	3.683.902.529
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	832.993.593	736.780.506
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	111.491.853	2.368.092.202
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	217.702.821	207.937.951
Cổ tức được chia	(3.680.000.000)	(600.000.000)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	3.288.299.617	-
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	(2.045.864.905)
Chi phí thuế TNDN	770.487.884	666.945.754

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí trích trước	787.745.356	558.760.586	228.984.770	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	787.745.356	558.760.586		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			228.984.770	-

VND

28.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	(i)	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	
				Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2023
2021	2026	(i)	11.032.548.889	-	- 11.032.548.889
2022	2027	(i)	16.593.410.914	-	- 16.593.410.914
2023	2028	(i)	16.441.498.086	-	- 16.441.498.086
TỔNG CỘNG			44.067.457.889	-	- 44.067.457.889

VND

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Công ty con
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Công ty con
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Công ty con
Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cùng cổ đông lớn
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Phí lưu trú	26.196.676.106	3.356.923.454
	Dịch vụ tư vấn	12.000.000.000	8.000.000.000
	Lãi cho vay	2.819.316.713	93.468.493
	Bán hàng	1.751.672.548	507.500
	Mua dịch vụ	555.105.761	17.504.415.217
	Cung cấp dịch vụ	327.171.629	13.960.048
	Mua hàng	111.556.108	-
	Chi phí khác	79.722.869	363.411.273
	Dịch vụ lưu trú	20.571.432	18.574.530
	Dịch vụ khác	9.413.849	-
	Cổ tức được chia	-	3.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	83.237.302
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	12.110.976
Công ty TNHH Du lịch TTC	Lãi cho vay	15.401.785.363	10.165.380.822
	Phí lưu trú	13.698.933.721	4.539.774.864
	Bán hàng	5.549.044.410	4.330.555.552
	Dịch vụ tư vấn	2.750.000.000	2.000.000.000
	Mua dịch vụ	61.450.001	16.535.782.987
	Chi phí khác	12.514.904	841.118
	Dịch vụ khác	7.658.182	-
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	20.457.439
	Dịch vụ lưu trú	-	17.736.111
Chi phí lãi vay	-	4.191.781	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Phí lưu trú	5.525.247.462	6.285.388.428
	Lãi cho vay	4.164.005.919	4.450.720.162
	Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.641.329.286	2.158.781.151
	Bán hàng	1.463.181.319	1.910.278.797
	Chi phí khác	-	4.535.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	757.068	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Phí lưu trú	8.894.782.453	3.082.438.553
	Bán hàng	6.424.918.250	2.879.542.406
	Lãi cho vay	391.019.178	156.661.095
	Mua dịch vụ	4.000.000	-
	Chi phí lãi vay	5.130.909	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Phí lưu trú	5.500.123.733	2.089.021.410
	Lãi cho vay	2.288.170.887	177.130.138
	Bán hàng	-	304.500
	Mua dịch vụ	-	5.780.229.853
	Chi phí khác	-	740.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	4.678.828.182	14.018.519
	Dịch vụ tư vấn	3.000.000.000	1.000.000.000
	Lãi cho vay	141.304.110	456.677.260
	Dịch vụ lưu trú	12.727.273	-
	Bán hàng	1.347.500	-
	Phí lưu trú	-	7.756.527.521
	Dịch vụ khác	-	4.358.499
	Cung cấp dịch vụ	-	217.932
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Cung cấp dịch vụ	13.545.895.351	4.147.554.287
	Dịch vụ khác	391.048.066	5.055.518.309
	Mua dịch vụ	315.213.123	-
	Dịch vụ lưu trú	169.863.636	4.290.999.882
	Bán hàng	178.750	2.431.422
	Chi phí khác	-	1.908.003.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	292.402.070	
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Dịch vụ tư vấn	3.000.000.000	-
	Phí lưu trú	1.127.649.073	-
	Mua dịch vụ	27.000.000	-
	Chi phí khác	1.454.545	-
	Bán hàng	893.750	-
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Chi phí khác	1.729.417.698	187.568.546
	Mua dịch vụ	191.425.945	1.643.558.880
	Dịch vụ lưu trú	14.554.546	-
	Cung cấp dịch vụ	-	53.403.704
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ hợp tác kinh doanh ("BCC")	462.000.000	462.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	1.111.585.405	-
	Dịch vụ lưu trú	80.661.637	9.677.175
	Chi phí lãi vay	40.175.341	2.082.465.754
	Dịch vụ khác	-	21.000.000
	Chi phí khác	-	20.400.004
	Thu nhập thanh lý TSCĐ	-	2.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	132.337	
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Dịch vụ khác	180.039.787	-
	Bán hàng	1.683.747	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Dịch vụ lưu trú	3.705.627	28.864.646
	Dịch vụ khác	3.948.053	319.445
	Cung cấp dịch vụ	1.400.866	2.220.370
	Bán hàng hóa	-	2.379.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Lãi cho vay	388.739.728	-
	Cung cấp dịch vụ	181.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ Dịch vụ khác	- - -	18.496.171 1.917.817 40.606.198
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Chi phí lãi vay Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ	- - -	632.012.328 2.438.682 1.973.776

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Cung cấp dịch vụ	5.229.008.985	6.234.294.540
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	3.988.897.831	4.871.621.800
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	3.190.037.935	2.904.757.984
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cung cấp dịch vụ	2.137.664.028	3.931.864.203
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	1.787.126.312	2.566.308.221
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cung cấp dịch vụ	1.258.737.508	8.742.591.604
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	980.983.125	3.829.185.400
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cung cấp dịch vụ	255.248.608	253.669.228
Công ty TNHH Chăm sóc Sức Khỏe Ngọc Lan	Cung cấp dịch vụ	210.621.643	4.187.768
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	55.998.757	55.998.757
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cung cấp dịch vụ	54.300.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Cung cấp dịch vụ	21.333.400	21.333.400
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Cung cấp dịch vụ	15.968.000	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	9.960.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	7.085.000	4.200.000
TỔNG CỘNG		19.202.971.132	33.420.012.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	20.308.741.911	1.684.274.986
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	11.000.000.000	1.100.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	2.501.227.633	284.127.850
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	1.369.842.443	5.300.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	1.268.268.856	68.806.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	231.512.048	10.398.662.280
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua dịch vụ	-	177.805.000
TỔNG CỘNG		<u>36.679.592.891</u>	<u>17.914.776.116</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)			
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cho vay	38.687.500.000	34.937.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	23.220.000.000	37.820.000.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	13.740.000.000	10.200.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cho vay	8.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cho vay	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cho vay	-	5.900.000.000
TỔNG CỘNG		<u>91.147.500.000</u>	<u>88.857.500.000</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND			
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	38.687.500.000	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2023 đến ngày 20 tháng 6 năm 2024		Từ 11,0 đến 13,0
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	23.220.000.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024		Từ 10,8 đến 12,0
Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	13.740.000.000	Ngày 14 tháng 3 năm 2024		Từ 12,0 đến 13,0
Công ty TNHH Du Lịch TTC	8.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2024 đến ngày 4 tháng 6 năm 2024		10,8
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	7.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		11,0
TỔNG CỘNG	<u>91.147.500.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay dài hạn (*)			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cho vay	251.554.706.846	258.200.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	34.400.000.000	34.400.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cho vay	-	13.500.000.000
TỔNG CỘNG		327.954.706.846	348.100.000.000

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty TNHH Du lịch TTC	251.554.706.846	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2025 đến ngày 19 tháng 5 năm 2025	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2025	12,0
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	34.400.000.000	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	12,0
TỔNG CỘNG	327.954.706.846		

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Phải thu góp vốn hợp tác kinh doanh	34.750.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Đặt cọc	57.500.500.000	-
	Lãi cho vay	512.301.373	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Chi hộ	8.336.935.169	18.661.459.762
	Lãi cho vay	6.450.384.017	18.846.334.244
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Chi hộ	22.551.323.829	7.931.963.800
	Cổ tức được chia	18.400.000.000	7.500.000.000
	Lãi cho vay	2.460.075.568	441.638.355
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Chi hộ	2.381.924.500	166.018.000
	Phải thu BCC	7.329.385.748	5.523.923.534
	Lãi cho vay	2.683.011.285	1.593.206.835
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Cổ tức được chia	5.600.000.000	5.600.000.000
	Đặt cọc	198.321.600	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Chi hộ	1.441.739.501	667.406.551
	Lãi cho vay	4.365.806.301	2.077.635.414
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Chi hộ	2.904.099.298	147.669.640
	Lãi cho vay	85.512.329	55.616.439
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Chi hộ	227.572.472	298.744.102
	Lãi cho vay	27.090.740	-
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Chi hộ	4.745.400	2.554.200
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Chi hộ	2.550.000	-
TỔNG CỘNG		143.463.279.130	69.514.170.876
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	7.813.179.743	5.514.016.189
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	7.452.885.799	2.887.751.489
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	3.843.525.438	4.515.184.170
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua dịch vụ	2.204.592.000	420.205.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	1.937.904.000	364.881.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua dịch vụ	981.327.235	4.097.135.800
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	194.953.000	670.012.500
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	190.620.610	109.889.410
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	125.637.540	1.311.272.928
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	117.439.068	420.348.393
TỔNG CỘNG		24.862.064.433	20.310.696.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	12.286.489.523	28.170.527.569
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	9.133.000.000	10.833.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	3.800.000.000	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	2.503.794.000	3.794.000
TỔNG CỘNG		<u>27.723.283.523</u>	<u>44.707.321.569</u>
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đặt cọc Khác	3.700.000.000 23.994.876	4.000.000.000 21.514.876
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi vay	2.340.586.299	2.304.356.163
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Lãi vay	1.338.547.943	1.988.547.943
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ BCC	254.100.000	254.100.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Thu hộ	134.890.000	37.980.000
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Thu hộ	50.842.600	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Thu hộ	46.970.000	1.570.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Thu hộ	12.130.000	15.380.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Thu hộ	11.482.000	2.150.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Lãi vay	1.553.425	1.553.425
TỔNG CỘNG		<u>7.915.097.143</u>	<u>8.627.152.407</u>
Phải trả dài hạn khác			
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Nhận bàn giao tài sản Chi hộ	11.690.384.304 229.020.412	11.690.384.304 229.020.412
TỔNG CỘNG		<u>11.919.404.716</u>	<u>11.919.404.716</u>
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Vay	3.400.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	971.185.412	884.900.000
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023	838.745.046	-
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023	307.486.567	685.378.000
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT	96.000.000	64.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	96.000.000	32.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	-	96.000.000
TỔNG CỘNG		<u>2.501.417.025</u>	<u>1.954.278.000</u>

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	739.401.600	3.426.519.360
Từ 1 – 5 năm	1.829.273.067	3.899.509.456
Trên 5 năm	3.415.339.200	3.485.040.000
TỔNG CỘNG	5.984.013.867	10.811.068.816

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản cam kết với số tiền 97.639.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con.

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ		
- USD	1.957,84	1.650,98

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.





Nguyễn Thị Lan Phương Bùi Tấn Khải Châu Thị Kim Phước
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn